

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

CHÍNH SÁCH CỦA TRIỀU NGUYỄN ĐỐI VỚI PHẬT GIÁO VÀ SỰ MÂU THUẤN CỦA NÓ ĐỐI VỚI HIỆN THỰC

LÊ CUNG^(*)

Bàn về sự phát triển của Nho, Lão, Phật trong lịch sử Việt Nam, Đào Duy Anh viết: “*Nửa triều Trần ..., từ đời Chu Văn An, Nho học bắt đầu thắng Phật học. Nhưng sang đến đời Lê, đời Nguyễn thì Nho giáo mới chiếm địa vị độc tôn*”⁽¹⁾.

Đó là một nhận xét khá xác đáng. Nghiên cứu lịch sử Việt Nam nói chung và lịch sử Phật giáo Việt Nam nói riêng, điều mà Đào Duy Anh nhận xét, chúng ta dễ dàng nhận thấy. Nếu như các triều đại Lý, Trần, Phật giáo hưng thịnh, giữ địa vị quốc giáo thì ở các triều Lê, Nguyễn, Phật giáo mất đi địa vị nói trên.

Lí giải cho việc Phật giáo mất hẳn địa vị quốc giáo ở các triều Lê, triều Nguyễn đòi hỏi phải có một công trình nghiên cứu trên nhiều lĩnh vực liên quan, trong đó không thể không đề cập đến chính sách của mỗi triều đại đối với Phật giáo. Bài viết này góp một phần nhỏ trong việc tìm hiểu chính sách của triều Nguyễn đối với Phật giáo; từ đó, thử xem Phật giáo đã có vai trò, vị trí như thế nào trong đời sống hiện thực của xã hội Việt Nam đương thời.

Sau khi đánh bại nhà Tây Sơn, Nguyễn Phúc Ánh lên ngôi vua, đặt niên

hiệu là Gia Long (1802), mở đầu triều đại nhà Nguyễn trong lịch sử Việt Nam. Một trong những ưu thế lớn nhất của triều Nguyễn là có được một lãnh thổ rộng lớn mà các triều đại trước đây chưa bao giờ có được. Nhưng để quản lí một đất nước rộng lớn như vậy, triều Nguyễn đã gặp không ít khó khăn. Lãnh thổ rộng lớn, nhưng nền kinh tế hàng hóa, thị trường chưa phát triển, giao thông đi lại khó khăn trở ngại, dễ dẫn đến cát cứ, phân lập nơi này hoặc nơi khác.

Về phía nhân dân, một bộ phận còn tưởng nhớ triều Lê, một bộ phận khác còn giấu lại trong mình những hoài bão lớn lao mà triều đại Tây Sơn còn bỏ dở. Nhân tâm, lòng người chưa thực sự quy phục triều đại mới. Cái phương châm “*trung thần bất sự nhi quân*” ít nhiều còn gây khó khăn cho một triều đại vừa mới xác lập địa vị thống trị.

Để đẩy lùi những khó khăn trên đây, tạo thế cho việc củng cố và xây dựng vương triều vững mạnh, triều Nguyễn đã lấy ý thức hệ Nho giáo với hệ thống “*tam cương, ngũ thường*” xem vua là con trời,

^{*}. PGS. TS. Trường Đại học Sư phạm Huế.

1. Đào Duy Anh. *Việt Nam văn hóa Sử cương*, Nxb. Bốn Phương, Sài Gòn, 1951, tr. 237.

làm hệ tư tưởng chính thống cho triều đại của mình. Do vậy, việc triều Nguyễn ra sức đề cao Nho giáo, tìm mọi cách đưa Nho giáo lên địa vị độc tôn là điều dễ hiểu. Tuy nhiên trên vấn đề này triều Nguyễn đã vấp phải một sự khó xử đối với Phật giáo, vì Phật giáo không chỉ dừng lại là một tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc Việt Nam, mà hơn thế nữa, Phật giáo kể từ khi được truyền vào Việt Nam đã có sự gắn bó chặt chẽ với vận mệnh dân tộc. Trong suốt chiều dài gần hai ngàn năm lịch sử, giới Phật tử và nhiều vị cao tăng đã nhập thế tham gia tích cực vào các phong trào yêu nước, những cuộc kháng chiến chống xâm lăng, những công cuộc phục hưng đất nước.

Thực tế trên đây đã buộc vua quan triều Nguyễn phải đầu tư suy nghĩ, lắm lúc phải trăn trở, nên có một chính sách nào đây đối với Phật giáo khả dĩ đáp ứng được việc tập hợp được nhân dân mà đa số là tín đồ Phật giáo hoặc có quan hệ gắn bó về mặt tín ngưỡng với Phật giáo vào công cuộc xây dựng đất nước, cũng có sự thống trị của vương triều.

Qua nghiên cứu một số tư liệu của Quốc sử quán triều Nguyễn, bước đầu chúng tôi rút ra một số điểm chủ yếu sau đây trong chính sách của triều Nguyễn đối với Phật giáo.

Trước hết, triều Nguyễn tiến hành việc phê phán Phật giáo về mặt giáo lí. Công việc này được thực hiện từ những ngày đầu khi vương triều vừa được thiết lập. Cả vua quan, đình thần cùng một số Nho sĩ đều tập trung phê phán gay gắt giáo lí Phật giáo, nhằm vào thuyết *nhân quả*

báo ứng, xem lí thuyết này như là một sự mê tín, xa rời thực tế, không thực hiện được. Họ cố lấy những sự kiện hoặc nội dung từ trong *Tam tạng kinh điển* để đi đến phủ nhận giáo lí Phật giáo, luận chứng cho việc trung quân là cao hơn tất cả. Điều lệ hương đẳng Gia Long năm thứ 3 (1804) viết: “*Đến như khoản thờ Phật, Sách truyện có nói: ‘Công hồ dị doan tư hại dã dĩ’ (Say mê vào chuyện dị doan là có hại). Lại nói: ‘Hoạch tội vu thiên vô sở đảo dã’ (có tội với trời không thể cầu đảo mà khỏi được). Người thờ Phật là để cầu phúc báo. Sách Phật có nói rằng có duyên thì Phật độ, không có duyên Phật chẳng độ nào. Lại nói thờ cha mẹ chẳng ra gì, dầu cả ngày ăn chay niệm Phật cũng chẳng ích chi. Nếu hết lòng trung với vua tuy không cúng Phật cũng không hại. Như thế đã là kẻ có duyên thì cần gì phải cầu Phật độ còn như kẻ vô duyên thì Phật có độ đâu? Thử xem những người đã thành Phật như Mục Liên còn không cứu được mẹ, trị Phật giáo như Tiêu Diễn còn không giữ được thành. Huống chi người bất trung, bất hiếu không biết quân vương là Phật hiện tại, khinh bỏ cha mẹ là Phật sinh ra mình. Lại đi niệm hảo Phật vô hình ở xa muôn dặm để cầu may cái phước báo vu vơ cho đời sau, có lí như vậy sao?*”⁽²⁾.

Đến đời Minh Mạng, khi vua hỏi các đại thần về việc mở đại trai đàn ở chùa Thiên Mụ. Trong lời đáp, Nguyễn Văn Nhân cũng lên tiếng công kích thuyết *nhân quả báo ứng* của Phật giáo: “*Sở dĩ*

2. Nguyễn Hồng. *Sử liệu liên quan Phật giáo trong bộ Đại Nam thực lục*, Cơ sở II Trường Cao cấp Phật học, TP. Hồ Chí Minh, 1987, tr. 4.

tiên đế mở trai đàn là vì nghĩ đến ý muốn sở thích của hoàng hậu mà làm chứ không phải vì tin ở thuyết họa phước báo ứng. Bệ hạ nói đức nên đem lễ nghĩa mà tài chế để trên thì triều đình không mất khuôn phép, dưới không dị nghị vào đâu cần gì mỗi việc đều theo tập quán mới là hiếu ư?"⁽³⁾.

Vượt lên trên cả sự phê phán giáo lí Phật giáo, vua quan triều Nguyễn có lúc cho Phật giáo là một tôn giáo có hại, làm cản trở cho việc thực hiện các giáo điều Nho giáo. Có thể dẫn ra câu nói sau đây của Lê bộ Ngõ Tùng Chu nói với Đông cung Hoàng tử Cảnh để hiểu được triều Nguyễn trước khi được xác lập đã cho Phật giáo là một tôn giáo có hại: "*Chúa Thượng bái Phật là việc làm rất hay, quần thần đã không tán thành việc làm hay đẹp lại còn nói nọ nói kia. Tôi sợ việc làm này nếu thôi đi bọn ấy lại càng ngông cuồng hơn trước. Tôi vốn không có ác cảm riêng gì với sư nhưng cái hại của Phật, Lão còn hơn cả Dương Mặc không thể không nói*"⁽⁴⁾. Hoặc trong Điều lệ hương đẳng Gia Long năm thứ 3 (1804) cũng viết: "*Gần đây có kẻ sùng đạo Thích, cất già lam lâu dài nguy nga, tô tượng đúc chuông rực rỡ và trai tăng tịnh đàn tam nguyên pháp hội cúng Phật nuôi tăng tốn phí không biết bao nhiêu, tự nhin phần bỏ báo để cầu phước hảo*"⁽⁵⁾.

Từ chỗ phê phán gay gắt giáo lí Phật giáo, xem Phật giáo là tôn giáo có hại, triều Nguyễn đi đến thực hiện chính sách hạn chế và ngăn cản sự phát triển của Phật giáo. Điều này được thể hiện trên các mặt như cấm xây cất chùa mới, đúc chuông, tô tượng, hạn chế số tăng ni, đặt ra nhiều luật lệ khắt khe đối với việc

hiến cúng hoặc tậu mãi tài sản của các quốc tự, chùa làng. Điều lệ Hương đẳng Gia Long năm thứ 3 (1804) viết: "*Từ nay về sau chùa chiền hư thì cho tu bổ, còn làm chùa mới, đúc chuông, tạo tượng, mở trai đàn pháp hội đều cấm tất cả. Sư ở chùa người nào chân tu thì xã trưởng sở tại kê khai họ tên, quê quán, địa chỉ nạp tại quan trấn để rõ số bao nhiêu*"⁽⁶⁾.

Năm 1849, dưới triều Tự Đức, khoa đạo Trần Văn Ý, Nguyễn Văn Tố điều trần 5 việc, trong đó có việc đuổi sư về tục: "*Một khoản xin các sư chùa quan như Thiên Mục, Giác Hoàng, Diệu Đế, Thánh Duyên, Linh Hựu lưu lại mỗi chùa 5, 6 tên cấp lương cho ăn để lo việc chùa. Còn như các chùa dân chỉ để lại mỗi tên, còn bao nhiêu đuổi về tục chịu thuế*"⁽⁷⁾. Tự Đức khen và thu nhận ý kiến.

Năm 1855, Tự Đức ra lệnh: "*Việc thờ Phật thì chùa quán hư nát cho phép được tu bổ. Còn như việc lập chùa mới cùng là đúc chuông, tạo tượng, trai đàn pháp hội tất cả đều cấm. Sư ở chùa người nào chân tu thì xã trưởng kê khai họ tên nộp lên quan để rõ con số*"⁽⁸⁾.

Thực ra, lệnh của Tự Đức (1855) đi sau Điều lệ hương đẳng của Gia Long (1804) ngọt nửa thế kỉ, nhưng cũng chỉ là một sự lặp lại không hơn không kém. Điều mà Tự Đức đi xa hơn so với Gia Long nếu có là ở chỗ Tự Đức đã tách các hoạt động của các chùa ra khỏi hoạt động của nhà nước. Sự việc sau đây có thể xem như là

3. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 13.

4. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 10.

5. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 11.

6. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 4.

7. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 40.

8. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 41.

một minh chứng: “*Tĩnh hạt Bình Định không mưa. Tĩnh thần là Vương Hữu Quang đón sư đọc kinh tại tỉnh lỵ, được mưa, tàu lên. Vua nói: ‘Kinh Phật là việc không nên đem làm khuôn mẫu cho quan lại, nhân dân; chuẩn phạt tĩnh thần ấy ba tháng lương, và từ nay về sau có cầu đảo hoặc làm chay tụng kinh, phải làm nơi đền đài, không được suất lược làm nơi công thự như thế’*”⁽⁹⁾.

Do tác động của các chính sách trên đây, Phật giáo dưới triều Nguyễn có lúc bị giảm sút, không còn giữ vị trí cao trong xã hội, sư tăng không được kính trọng như trước đây. Chính ở mặt này mà Thích Mật Thể rất có lí khi cho rằng: “*Từ lúc vận nước thay đổi, Phật giáo cũng bắt đầu đình đốn và dần đến suy đồi ... Từ đây trong lịch sử không thấy chép gì để căn cứ cho một giai đoạn về vang cho lịch sử dân tộc nữa*”⁽¹⁰⁾.

Tuy nhiên, cũng dựa trên sử liệu triều Nguyễn để lại, điều mà các nhà nghiên cứu không thể phủ nhận được là dưới triều Nguyễn, Phật giáo với tư cách là một tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc vẫn còn chỗ đứng khá vững chắc.

Thật vậy, những quy định khắt khe của triều đình đối với Phật giáo trong một lúc nào đó chỉ có tác dụng tạm thời và trong một phạm vi chật hẹp. Luật lệ triều đình đã bị thói quen “*phép vua thua lệ làng*” cản trở. Ở chốn thôn dã, người dân vẫn tin vào giáo lí thậm thâm, vì diệu của Phật giáo, vẫn cứ đến chùa lễ Phật, dâng hương mỗi tháng ít nhất là hai lần vào các ngày Sóc, ngày Vọng, họ xem việc đóng góp tiền bạc, của cải cho

nhà chùa như là một nghĩa vụ mang tính tự giác cao. Chùa cũ đổ nát, hư hỏng được sửa sang, chùa mới được xây dựng thêm. Chùa chiền đã phát triển thành một hệ thống, chùa lớn đi liền với chùa nhỏ, chùa cũ đi liền với chùa mới, chùa làng đi liền với quốc tự. Ngay cả Nam Bộ, vùng đất mới khai phá, Phật giáo cũng được sùng tín, Quốc sử quán triều Nguyễn cũng phải thừa nhận: “*Tục ở Gia Định sùng Phật*”⁽¹¹⁾.

Lòng hâm mộ Phật giáo của người dân đã làm cho các Nho sĩ bức tức. Trong một bài văn khắc vào chuông chùa mới đúc, Phạm Quý Thích viết với thái độ vừa ghen ghét, vừa hằn học: “*Người xem người làng ư? Tích lũy để làm giàu, bốn ba để kiếm tước, một trình cũng chẳng cho ai, nhưng khi nói đến bố thí thì nói tôi bao nhiêu? Chỉ sợ đứng sau người. Kẻ nghèo bàng hoàng suốt ngày, bữa sớm chưa biết có bữa chiều mà có ai đến quỳ thì cũng vét túi, mở hòm cho được đồng tiền, dấu gạo mà không ngần ngại gì cả*”⁽¹²⁾.

Sự ngưỡng mộ Phật giáo không chỉ dừng lại ở những nơi xa “*ánh mặt trời*” mà còn ngay tại chốn hoàng gia, cung thất, nơi mà vua quan, triều thần hiện hữu hàng ngày, nơi mà Nho giáo được sử dụng làm nhân sinh hàng đầu.

Đứng về mặt chủ trương, vua quan triều Nguyễn từ chỗ bài xích, đả kích

9. Đại Nam thực lục chính biên, tập 26, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1973, tr. 376.

10. Thích Mật Thể. Việt Nam Phật giáo sử lược, Nxb. Minh Đức, Sài Gòn, 1960, tr. 215-216.

11. Nguyên Hồng, ... Sdd., tr. 10.

12. Nguyễn Tài Thư (Chủ biên). Lịch sử Phật giáo Việt Nam, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1991, tr. 387.

Phật giáo, có người đã đi đến thỏa hiệp xem Nho và Phật có chỗ giống nhau. Minh Mạng cho rằng: *“Họ Thích lấy thần đạo lập giáo, đạo Khổng lấy luân thường nhật dụng chủ yếu đều dạy người làm điều thiện mà thôi. Phàm con người ở trong khoảng trời đất điều thiện nên làm, điều ác nên bỏ. Họ Thích lấy việc họa phước báo ứng dạy người không thể cứ bảo là dị đoan. Nội một việc khuyên người làm lành dù Thánh nhân có sống lại cũng không thể nào chối bỏ đi được”*⁽¹³⁾.

Trong lời đáp khi vua Minh Mạng hỏi về việc mở đại trai đàn ở chùa Thiên Mụ, nếu như Nguyễn Văn Nhân lên tiếng công kích Phật giáo như đã đề cập ở trên, thì Lễ bộ Thượng thư Phạm Đăng Hưng ngược lại cho rằng: *“Nói chí nơi việc là hiếu. Việc bề hạ làm là việc tiên đế thường làm thì sao lại không được”*⁽¹⁴⁾. Minh Mạng cho là phải và sai quần thần tổ chức đại trai đàn ở chùa Thiên Mụ. Trong lễ này, *“Thái trưởng công chúa làm chủ trai và các ông hoàng lần lượt dâng hương. Vua thường ngự giá đến chơi”*⁽¹⁵⁾.

Thời Thiệu Trị, chùa tháp được xây dựng và trùng tu nhiều, song dưới con mắt của Tổng đốc Sơn Hưng Tuyên là Nguyễn Đăng Giai vẫn cho là chưa đủ. Nguyễn Đăng Giai đã tâu về triều với nội dung: *“Chùa chiền, chuông tượng thì xin sắc xuống dân gian tùy sức mà làm. Những nơi nào trước có Phạm cung, cổ sát đã bị ngụy Tây Sơn hủy thì xin xuất tiền kho phát giao địa phương xây dựng”*⁽¹⁶⁾.

Thời Tự Đức, Phật giáo bị công kích khá dữ dội, nhưng vẫn có những bề tôi

của vua trọng thị Phật giáo. *“Quan khoa đạo phái ra Bắc là Phan Đình Phùng về tâu nói Tuần phủ Bắc Ninh là Nguyễn Huy Kỳ thiên về Phật giáo ... Quan khoa đạo là Ngô Đôn và Vũ Hữu Liên lại nói rằng Huy Kỳ là người bình dị gần dân nhưng đối với các quan lại gian tham thì ức chế rất gắt, xưa nay được tiếng khen là Phật sống”*⁽¹⁷⁾. Vua, đình thần nghị bàn đành phải chấp nhận để Nguyễn Huy Kỳ lưu lại chức.

Trên thực tế, ở chốn hoàng gia, cung thất, Phật giáo đã đi vào lòng người một cách sâu đậm. Các thái hậu, các chánh cung, các công chúa, cung phi là những người hâm mộ Phật giáo nhất. Điều này được tỏ rõ trong lời thưa của công chúa Ngọc Tú với vua Minh Mạng, trước lúc lâm chung: *“Xướng tóc thờ Phật đó là nguyện ước lúc bình sinh, nguyện ước mà chưa được, xin Bệ hạ cho hoàn thành nguyện này, may ra sau khi chết không còn để tóc, được liệm áo cà sa mới thỏa lòng nơi chín suối”*⁽¹⁸⁾. Hòa thượng Phúc Điền, một vị thiền sư nổi tiếng thời bấy giờ cũng cho biết: *“Các vương công xây chùa trong gia thất”*⁽¹⁹⁾.

Dưới sự tác động của các thái hậu, các công chúa, các vua quan triều Nguyễn đã xuất công quỹ, điều nhân công xây cất và trùng tu nhiều chùa tháp, đúc chuông tượng, lập đàn chay, kể cả trong Nam cũng như ngoài Bắc. Ở kinh đô Huế, chùa

13. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 21.

14. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 13.

15. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 13.

16. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 35.

17. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 47.

18. Nguyễn Hồng,... Sdd., tr. 16.

19. Nguyễn Tài Thư,... Sdd., tr. 383.

tháp được sửa sang, xây dựng nguy nga, đồ sộ và tráng lệ. Chùa Thiên Mụ được trùng tu nhiều lần, tháp Phước Duyên được xây dựng dưới thời Thiệu Trị, các vua Nguyễn đã cho mở rất nhiều đại trai đàn ở chùa này. Cùng với chùa Thiên Mụ, các chùa Giác Hoàng, Thánh Duyên, Diệu Đế, Linh Hựu đều được xem là chùa công do nhà nước xây cất, trả lương cho các sư tăng trụ trì và cũng là nơi để thực hiện chính sách của nhà nước.

Có thể nói rằng, dưới triều Nguyễn, Huế là nơi chùa tháp được xây dựng nhiều nhất, ảnh hưởng Phật giáo trong mọi tầng lớp nhân dân rất sâu đậm. Phải chăng Kinh đô Huế, nguồn gốc của chính sách bài xích, đả kích Phật giáo từ nhà nước phong kiến, song chính nơi đây Phật giáo lại có chỗ đứng vững chắc nhất.

Từ những luận giải trên đây, chúng ta thấy rõ rằng, đã có sự mâu thuẫn giữa chính sách của triều Nguyễn đối với Phật giáo với đời sống hiện thực của xã hội Việt Nam đương thời. Nói cách khác, dù cho có những chủ trương bài xích, đả kích Phật giáo từ phía nhà nước phong kiến, song Phật giáo vẫn có cơ sở để trường tồn và phát triển.

Lí giải cho vấn đề trên đây, trước hết cần phải thấy được rằng, không như Nho giáo chỉ nói đến tôn ti trật tự, những lí thuyết chỉ gần gũi với tầng lớp trên của xã hội, giáo lí Phật giáo bàn đến nhiều mặt, như từ bi cứu khổ, có và không, còn và mất, sống và chết, họa và phúc, v.v... là những vấn đề mà trong cuộc đời bất cứ ai cũng có lúc phải nghĩ đến, nếu không muốn nói là thường xuyên. Cao hơn nữa, giáo lí Phật giáo đề cập đến lí thuyết vô

thường, vô ngã, vấn đề tự ngộ của mỗi chúng sinh, vấn đề phá trừ vô minh phiền não gốc rễ khổ đau của con người, v.v... là những vấn đề đề cao sự giải phóng con người khỏi sự ràng buộc của thân linh, Thượng Đế để đi đến giải thoát. Nó đáp ứng khát vọng muốn được an lạc của con người trước những khó khăn, gian khổ của cuộc đời ô trược. Cảm động nhất là điều mà như Nietzsche - một triết gia Đức đã nói: "*Phật giáo đã nhận lãnh trách nhiệm đặt các vấn đề một cách khách quan và bình tĩnh... Phật giáo không kích thích người ta làm chiến tranh chống các tôn giáo khác, điều cảm động nhất chính là ở chỗ giáo lí nhà Phật chống lại tư tưởng phục thù, hận học, căm ghét*"⁽²⁰⁾. Do vậy, dù nhà nước phong kiến có ngăn cản, lòng người vẫn hướng về Phật pháp, xem nhà chùa như một nơi nương tựa của mình về mặt tinh thần.

Điều quan trọng nhất, Phật giáo vốn là một tôn giáo, tín ngưỡng truyền thống của dân tộc. Phật giáo truyền vào Việt Nam không qua con đường xâm lược. Qua bao nhiêu thăng trầm của lịch sử, Phật giáo Việt Nam trước sau vẫn gắn bó với dân tộc, vì dân tộc mà chấn hưng Đạo pháp. Phật giáo đã có thời kì là quốc giáo và đã có những đóng góp hết sức to lớn trong sự nghiệp dựng nước, giữ nước và mở nước của dân tộc Việt Nam/.

20. Trần Văn Giàu. Sự phát triển của tư tưởng Việt Nam từ thế kỉ XIX đến Cách mạng tháng Tám, tập 1, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1973, tr. 475.